

Số: 270/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á (gọi tắt là “Ngân hàng”), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2016, từ trang 5 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của ngân hàng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

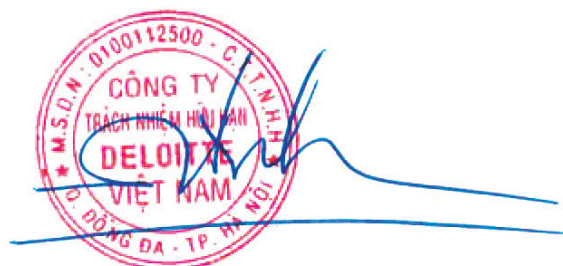
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo đến các vấn đề sau đây:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 7 - phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Ngân hàng có một số khoản cho vay Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy (trước đây là Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - "Vinashin") và một số công ty thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ("Vinelines"). Các khoản cho vay này đang được thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng theo chỉ đạo của cơ quan quản lý Nhà nước.

- Như trình bày tại Thuyết minh số 11 – phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ngân hàng hiện đang gửi công văn lên NHNN đề xuất phương án trích lập dự phòng cho các trái phiếu đặc biệt với tổng mệnh giá là 2.217.510 triệu VND phát hành ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty Quản lý Tài sản của các Tổ chức Tín dụng Việt Nam ("VAMC"). Theo đó, việc trích lập dự phòng các trái phiếu này sẽ phụ thuộc vào ý kiến của Ngân hàng Nhà nước.



Khúc Thị Lan Anh Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 8 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 02a/TCTD-HN

TT	CHỈ TIÊU	30/6/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
A.	TÀI SẢN		
I.	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	616,410	564,169
II.	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (NHNN)	1,322,512	6,084,391
III.	Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	12,281,979	11,892,423
1.	Tiền gửi tại các TCTD khác	8,166,979	9,227,423
2.	Cho vay các TCTD khác	4,115,000	2,665,000
IV.	Cho vay khách hàng	52,479,094	42,439,383
1.	Cho vay khách hàng	52,904,867	42,805,631
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(425,773)	(366,248)
V.	Hoạt động mua nợ	50,575	50,575
1.	Mua nợ	63,818	63,818
2.	Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	(13,243)	(13,243)
VI.	Chứng khoán đầu tư	18,297,989	17,525,520
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12,908,107	12,002,991
2.	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	5,637,903	5,659,934
3.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(248,021)	(137,405)
VII.	Góp vốn, đầu tư dài hạn	183,469	183,187
1.	Đầu tư dài hạn khác	183,469	183,187
VIII.	Tài sản cố định	342,278	349,309
1.	Tài sản cố định hữu hình	242,699	256,201
a.	Nguyên giá TSCĐ	528,008	522,939
b.	Hao mòn TSCĐ	(285,309)	(266,738)
2.	Tài sản cố định vô hình	99,579	93,108
a.	Nguyên giá TSCĐ	176,942	165,720
b.	Hao mòn TSCĐ	(77,363)	(72,612)
IX.	Bất động sản đầu tư	287,518	317,318
a.	Nguyên giá BĐSĐT	290,620	320,317
b.	Hao mòn BĐSĐT	(3,102)	(2,999)
X.	Tài sản Có khác	5,733,287	5,350,567
1.	Các khoản phải thu	1,851,870	1,864,724
2.	Các khoản lãi, phí phải thu	2,254,809	1,909,070
3.	Tài sản Có khác	1,631,351	1,580,744
4.	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(4,743)	(3,971)
	TỔNG TÀI SẢN CÓ	91,595,111	84,756,842

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 02a/TCTD-HN

TT	CHỈ TIÊU	30/6/2016 <i>Triệu VND</i>	31/12/2015 <i>Triệu VND</i>
B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I. Các khoản nợ Chính phủ và NHNN			
		334,859	181,477
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác			
1.	Tiền gửi của các TCTD khác	11,011,401	10,653,524
2.	Vay các TCTD khác	3,810,150	7,419,516
III. Tiền gửi của khách hàng			
		66,584,404	57,018,437
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác			
		22,284	14,315
V. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro			
		2,920	16,033
VI. Phát hành giấy tờ có giá			
		2,900,000	2,900,000
VII. Các khoản nợ khác			
1.	Các khoản lãi, phí phải trả	969,780	649,110
2.	Các khoản phải trả và công nợ khác	186,356	135,569
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		85,822,154	78,987,981
VIII. Vốn chủ sở hữu			
1.	Vốn của TCTD	5,465,881	5,465,881
a.	Vốn điều lệ	5,465,826	5,465,826
b.	Vốn khác	55	55
2.	Quỹ của TCTD	156,111	156,111
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(28,855)	-
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	179,820	146,869
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		91,595,111	84,756,842

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

TT	CHỈ TIÊU	30/6/2016 <i>Triệu VND</i>	31/12/2015 <i>Triệu VND</i>
1.	Bảo lãnh vay vốn	12,500	12,500
2.	Cam kết giao dịch hối đoái	2,077,011	2,161,641
	Cam kết mua ngoại tệ	-	622,396
	Cam kết bán ngoại tệ	-	649,330
	Cam kết giao dịch hoán đổi	2,077,011	889,915
	Cam kết giao dịch tương lai	-	-
3.	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	384,583	463,699
4.	Bảo lãnh khác	618,333	1,044,919
5.	Các cam kết khác	220,682	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 03a/TCTD-HN

TT	CHỈ TIÊU	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 (Chưa soát xét)
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	2,580,265	2,074,458
2.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(1,860,576)	(1,549,111)
I.	Thu nhập lãi thuần	719,689	525,347
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	79,422	52,306
4.	Chi phí hoạt động dịch vụ	(56,565)	(34,015)
II.	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	22,857	18,291
III.	(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(21,715)	(1,186)
IV.	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-
V.	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	4,905	3,416
5.	Thu nhập từ hoạt động khác	1,927	1,205
6.	Chi phí hoạt động khác	(540)	(531)
VI.	Lãi thuần từ hoạt động khác	1,387	674
VII.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	1,113	2,970
VIII.	Chi phí hoạt động	(509,590)	(402,584)
IX.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	218,646	146,928
X.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(170,141)	(41,476)
XI.	Tổng lợi nhuận trước thuế	48,505	105,452
7.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(9,734)	(22,699)
XII.	Chi phí thuế TNDN	(9,734)	(22,699)
XIII.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	38,771	82,753
XIV.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	67	144

Ngày 15 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Bà Nghiêm Thị Thu Nga
Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Ông Đặng Bảo Khánh
Tổng Giám đốc